ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 24 /2020/QĐ-UBND	*Thanh Hóa, ngày 26 tháng 5 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định các biện pháp triển khai thực hiện Nghị quyết số 235/2019/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về ban hành chính sách hỗ trợ phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2020-2024.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

Căn cứ Quyết định số 13/2015/QĐ-TTg ngày 05/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ Quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Thông tư số 02/2016/TT-BTC ngày 06/01/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn hỗ trợ đối với tổ chức, cá nhân vay vốn tại tổ chức tín dụng để thực hiện các dự án đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ VTHKCC bằng xe buýt theo Quyết định số 13/2015/QĐ-TTg ngày 05/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển VTHKCC bằng xe buýt;

Căn cứ Nghị quyết số 235/2019/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về ban hành chính sách hỗ trợ phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2020-2024;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 1898/TTr-SGTVT ngày 17/5/2020 về việc ban hành quy định các biện pháp triển khai thực hiện Nghị quyết số 235/2019/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về ban hành chính sách hỗ trợ phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2020-2024; Báo thẩm định số 264/BCTĐ-STP ngày 15/5/2020 của Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định các biện pháp triển khai thực hiện Nghị quyết số 235/2019/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về ban hành chính sách hỗ trợ phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2020-2024.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 6 năm 2020

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Giao thông vận tải, Tài chính, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông số 2 Thanh Hóa; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3-QĐ;
- VP Chính phủ (để b/c);
- Bộ GTVT (để b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản – Bộ tư pháp (để b/c);
- TT Tỉnh ủy (để b/c);
- TT HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh và Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, CN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Mai Xuân Liêm

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Các biện pháp triển khai thực hiện Nghị quyết số 235/2019/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành chính sách hỗ trợ phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2020-2024

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2020/QĐ-UBND ngày ... tháng... năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa).

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định việc lập hồ sơ; trình tự, thủ tục thực hiện chính sách hỗ trợ lãi suất vay vốn đầu tư mới phương tiện và chính sách hỗ trợ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện Nghị quyết số 235/2019/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của Hội đồng nhân dân (sau đây viết tắt là HĐND) tỉnh về ban hành chính sách hỗ trợ phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2020-2024 (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 235/2019/NQ-HĐND).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các đối tượng hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết số 235/2019/NQ-HĐND ngày 12/12/2019.

2. Các cơ quan quản lý Nhà nước, các tổ chức, cá nhân có liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2020-2024 theo Nghị quyết số 235/2019/NQ-HĐND ngày 12/12/2019.

Chương II
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ LÃI SUẤT VAY VỐN ĐẦU TƯ MỚI PHƯƠNG TIỆN

Điều 3. Hồ sơ hỗ trợ

1. Căn cứ đối tượng, điều kiện hỗ trợ lãi suất vay vốn đầu tư mới phương tiện theo quy định tại Điểm a, b Khoản 1, Điều 1, Nghị quyết số 235/2019/NQ-HĐND, Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm chủ trì và phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh thông báo trên cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh và trang thông

tin điện tử của Sở Giao thông vận tải hoặc thông báo trực tiếp cho các doanh nghiệp, hợp tác xã đang khai thác các tuyến xe buýt thuộc đối tượng thụ hưởng chính sách hỗ trợ lãi suất vay vốn đầu tư mới phương tiện lập hồ sơ đề nghị hỗ trợ.

2. Thành phần hồ sơ, theo quy định tại Điều 7, Thông tư số 02/2016/TT-BTC ngày 06/01/2016 của Bộ Tài chính gồm:

a) Đơn đề nghị hỗ trợ lãi suất vay vốn tại tổ chức tín dụng để đầu tư mới phương tiện phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt của doanh nghiệp, hợp tác xã có xác nhận của chính quyền địa phương nơi thực hiện dự án *(Mẫu đơn theo Phụ lục 1, Thông tư số 02/2016/TT-BTC ngày 06/01/2016 của Bộ Tài chính)*.

b) Kế hoạch đầu tư phương tiện được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

c) Hợp đồng tín dụng của doanh nghiệp với tổ chức tín dụng phải đảm bảo đúng đối tượng, đúng mục tiêu, đáp ứng các điều kiện theo quy định; sử dụng vốn đúng mục đích và trả nợ gốc, lãi theo đúng thỏa thuận với ngân hàng thương mại và Hợp đồng tín dụng được hỗ trợ là các hợp đồng chưa được hỗ trợ lãi suất từ các chính sách khác.

d) Bảng kê dư nợ vay, lãi vay và chứng từ hoặc giấy tờ tương đương có xác nhận của tổ chức tín dụng đối với khoản vay đầu tư phương tiện phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

đ) Bảng kê hoặc bảng tính số tiền lãi đề nghị được hỗ trợ.

3. Số lượng hồ sơ: 03 bộ.

4. Địa điểm nộp và trả kết quả: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải, tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa.

5. Trường hợp hồ sơ, tài liệu nêu trên do cơ quan quản lý nhà nước hoặc tổ chức khác đang lưu giữ thì Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm đề nghị cơ quan, tổ chức đang giữ cung cấp để làm cơ sở xem xét, quyết định hỗ trợ.

Điều 4. Trình tự, thủ tục hỗ trợ

1. Trong thời gian 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Giao thông vận tải kiểm tra, rà soát hồ sơ, nếu thấy hồ sơ không hợp lệ, không đủ điều kiện hỗ trợ theo quy định của Nghị quyết số 235/2019/NQ-HĐND, Sở Giao thông vận tải thông báo và nêu rõ lý do đối với doanh nghiệp, hợp tác xã không hoặc chưa đủ điều kiện hỗ trợ.

2. Trong thời gian 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Sở Giao thông vận tải tổ chức thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ, xác định kinh phí hỗ trợ lãi suất vay, thời hạn hỗ trợ.

Trong quá trình thẩm định, Sở Giao thông vận tải xin ý kiến của Sở Tài chính kinh phí hỗ trợ cho doanh nghiệp, hợp tác xã thụ hưởng (kèm theo 01 bộ hồ sơ), cụ thể:

Thành phần hồ sơ, gồm:

a) Văn bản xin ý kiến kinh phí hỗ trợ lãi suất vay vốn đầu tư mới phương tiện của Sở Giao thông vận tải.

b) Hồ sơ theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 Quy định này.

3. Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Văn bản xin ý kiến (kèm theo hồ sơ) của Sở Giao thông vận tải, Sở Tài chính có ý kiến gửi Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông vận tải trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt danh sách doanh nghiệp, hợp tác xã được hỗ trợ, kinh phí và thời gian hỗ trợ cụ thể.

4. Trong thời gian 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Tờ trình đề nghị phê duyệt kinh phí hỗ trợ của Sở Giao thông vận tải, Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt kinh phí hỗ trợ.

5. Căn cứ Quyết định phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh và kết quả nghiệm thu chất lượng phương tiện được hỗ trợ hàng năm của Sở Giao thông vận tải, Sở Tài chính thực hiện cấp kinh phí cho doanh nghiệp, hợp tác xã được thụ hưởng theo Quyết định.

6. Thời điểm hỗ trợ: Hỗ trợ hàng năm, sau khi doanh nghiệp, hợp tác xã có phát sinh lãi suất 01 (một) năm vay vốn.

Chương III

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CÔNG CỘNG BẰNG XE BUÝT

Điều 5. Hồ sơ hỗ trợ

1. Doanh nghiệp, hợp tác xã trúng thầu mở tuyến mới, tuyến khôi phục lại theo quy định của pháp luật về đấu thầu lập hồ sơ đề nghị hỗ trợ.

2. Thành phần hồ sơ, gồm:

a) Văn bản đề nghị cấp kinh phí hỗ trợ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt (bản chính).

b) Văn bản chấp thuận khôi phục tuyến, mở mới tuyến xe buýt của Chủ tịch UBND tỉnh (bản sao).

c) Quyết định phê duyệt dự toán các tuyến xe buýt tổ chức đấu thầu của Chủ tịch UBND tỉnh (bản sao).

d) Quyết định phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu của Chủ tịch UBND tỉnh (bản sao).

e) Quyết định phê kết quả lựa chọn nhà thầu của Sở Giao thông vận tải (bản sao).

g) Hợp đồng khai thác tuyến xe buýt giữa Sở Giao thông vận tải với doanh nghiệp, hợp tác xã trúng thầu (bản sao).

3. Số lượng hồ sơ: 03 bộ.

4. Địa điểm nộp và trả kết quả: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải, tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa.

5. Trường hợp hồ sơ, tài liệu nêu trên do cơ quan quản lý nhà nước hoặc tổ chức khác đang lưu giữ thì Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm đề nghị cơ quan, tổ chức đang giữ cung cấp để làm cơ sở xem xét, quyết định hỗ trợ.

Điều 6. Trình tự, thủ tục hỗ trợ

1. Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày lập đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 Quy định này, Sở Giao thông vận tải gửi Sở Tài chính thẩm định kinh phí hỗ trợ.

Thành phần hồ sơ, gồm:

a) Văn bản đề nghị cấp kinh phí hỗ trợ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt của Sở Giao thông vận tải.

b) Hồ sơ theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 Quy định này.

2. Trong thời gian 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị của Sở Giao thông vận tải, Sở Tài chính thẩm định kinh phí hỗ trợ, gửi Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông vận tải trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt kinh phí hỗ trợ.

3. Trong thời gian 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình đề nghị phê duyệt kinh phí hỗ trợ của Sở Giao thông vận tải, Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt kinh phí hỗ trợ.

4. Căn cứ Quyết định phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Tài chính thực hiện cấp kinh phí cho Sở Giao thông vận tải.

5. Sở Giao thông vận tải thực hiện chi trả kinh phí hỗ trợ cho doanh nghiệp, hợp tác xã khai thác tuyến xe buýt thuộc đối tượng hỗ trợ theo từng năm trên cơ sở nghiệm thu chất lượng dịch vụ vận tải theo hợp đồng ký kết giữa doanh nghiệp, hợp tác xã với Sở Giao thông vận tải.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 7. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải

1. Thực hiện các nhiệm vụ được giao cụ thể tại Quy định này; chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ được quy định tại Nghị quyết số 235/2019/NQ-HĐND và Quy định này.

2. Trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt Kế hoạch đầu tư phương tiện phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

3. Thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ, xác định số tiền hỗ trợ lãi suất vay vốn đối với danh mục phương tiện đầu tư phục vụ vận tải hành khách công cộng

bằng xe buýt xin ý kiến Sở Tài chính trước khi trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

4. Lập dự toán mức hỗ trợ tối đa để đấu thầu đối với tuyến mở mới, khôi phục lại sau khi được Chủ tịch UBND tỉnh chấp thuận gửi Sở Tài chính thẩm định, trước khi trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt làm cơ sở tổ chức đấu thầu khai thác tuyến.

5. Trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt kinh phí hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã trúng thầu khai thác tuyến xe buýt sau khi có ý kiến thẩm định của Sở Tài chính.

6. Tổ chức thực hiện lựa chọn nhà thầu khai thác tuyến xe buýt theo đúng quy định của pháp luật về đấu thầu; thực hiện nghiệm thu chất lượng phương tiện hàng năm gửi Sở Tài chính làm cơ sở cấp kinh phí hỗ trợ lãi suất vay vốn, nghiệm thu chất lượng dịch vụ vận tải để cấp phát kinh phí hỗ trợ cho các doanh nghiệp, hợp tác xã.

7. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan giám sát việc sử dụng kinh phí hỗ trợ; khi phát hiện các doanh nghiệp, hợp tác xã sử dụng kinh phí không đúng mục đích, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xử lý theo quy định.

8. Trước ngày 30 tháng 7 hàng năm, Sở Giao thông vận tải xây dựng kế hoạch và kinh phí thực hiện chính sách, gửi Sở Tài chính tham mưu trình UBND tỉnh, HĐND tỉnh bố trí nguồn kinh phí thực hiện trong dự toán chi ngân sách hàng năm.

Điều 8. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Tham mưu cho UBND tỉnh cân đối ngân sách tỉnh hàng năm để bố trí kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ lãi suất vay vốn đầu tư mới phương tiện, chính sách hỗ trợ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

2. Tham gia ý kiến về kinh phí hỗ trợ lãi suất vay vốn đối với danh mục phương tiện đầu tư phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên cơ sở đề nghị của Sở Giao thông vận tải, gửi Sở Giao thông vận tải để trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

3. Thẩm định mức kinh phí hỗ trợ tối đa để đấu thầu đối với các tuyến mở mới, tuyến khôi phục lại; thẩm định kinh phí hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã trúng thầu khai thác tuyến xe buýt trên cơ sở đề nghị của Sở Giao thông vận tải.

4. Thực hiện cấp kinh phí thực hiện chính sách, quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành.

5. Phối hợp, kiểm tra, giám sát việc sử dụng kinh phí hỗ trợ hiệu quả, đúng mục đích.

Điều 9. Trách nhiệm của doanh nghiệp, hợp tác xã

1. Phối hợp với Sở Giao thông vận tải hoàn thiện các hồ sơ để được hỗ trợ theo Quy định này.

2. Thực hiện cung cấp dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo đúng hợp đồng, các chỉ tiêu đấu thầu đã được phê duyệt; cam kết thực hiện đầy đủ quy định tổ chức, quản lý hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt do UBND tỉnh ban hành; chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và bị xử lý khi không thực hiện đúng như cam kết theo quy định.

3. Quản lý và sử dụng đúng quy định của Nhà nước về kinh phí hỗ trợ đối với những tuyến xe buýt được Nhà nước hỗ trợ; kinh phí hỗ trợ lãi suất vay vốn đầu tư mới phương tiện.

4. Quản lý phương tiện được hỗ trợ lãi suất vay đối với những tuyến đang khai thác được thực hiện theo quy định hiện hành; thực hiện duy trì bảo dưỡng thường xuyên, định kỳ, đảm bảo chất lượng phương tiện để phục vụ hoạt động vận tải khách.

5. Trong thời gian được nhà nước hỗ trợ lãi suất vay vốn đầu tư mới phương tiện, nếu doanh nghiệp, hợp tác xã bán phương tiện cho các tổ chức, cá nhân khác thì không được thanh toán kinh phí hỗ trợ lãi suất vay vốn kể từ năm doanh nghiệp, hợp tác xã bán phương tiện.

Điều 10. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố

Cung cấp hồ sơ, văn bản, tài liệu có liên quan đến việc lập hồ sơ hỗ trợ, theo đề nghị của Sở Giao thông vận tải; chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ, văn bản, tài liệu do mình cung cấp. Phối hợp, kiểm tra giám sát hoạt động các tuyến xe buýt trên địa bàn theo quy định.

Điều 11. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các sở, ngành, địa phương và các đơn vị có liên quan có ý kiến đề xuất với với Sở Giao thông vận tải để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh kịp thời điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.